

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 7648 : 2007

Xuất bản lần 1

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC –
TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP
CHẾ BIẾN THỦY SẢN**

Water quality – Effluent discharge standards for aquatic products processing industry

HÀ NỘI – 2007

Lời nói đầu

TCVN 7648 : 2007 do Ban kĩ thuật Tiêu chuẩn TCVN / TC 147
"Chất lượng nước" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường
Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Chất lượng nước – Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp chế biến thủy sản

Water quality – Effluent discharge standards for aquatic products processing industry

1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này áp dụng để kiểm soát chất lượng nước thải của nhà máy chế biến thủy sản và quy định giá trị giới hạn của các thông số, nồng độ của các chất ô nhiễm đặc thù trong nước thải từ các nhà máy chế biến thủy sản khi thải ra môi trường.

1.2 Trong tiêu chuẩn này, thủy sản được hiểu là cả thủy sản nước ngọt và thủy sản nước mặn; nước thải được hiểu là dung dịch thải hoặc nước thải do các nhà máy chế biến thủy sản thải ra.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất.

TCVN 5945 : 2005 Nước thải công nghiệp – Tiêu chuẩn thải;

TCVN 6001 : 1995 (ISO 5815 : 1989) Chất lượng nước – Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD₅) – Phương pháp cấy và pha loãng;

TCVN 6179 - 1 : 1996 (ISO 7150-1 : 1984) Chất lượng nước – Xác định amoni – Phần 1: Phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay;

TCVN 6179 - 2 : 1996 (ISO 7150 - 2 : 1986) Chất lượng nước – Xác định amoni – Phần 2: Phương pháp trắc phổ tự động;

TCVN 6187 - 1 : 1996 (ISO 9308 -1 : 1990) Chất lượng nước – Phát hiện và đếm vi khuẩn coliform, vi khuẩn coliform chịu nhiệt và escherichia coli giả định – Phần 1: Phương pháp màng lọc;

TCVN 6187 - 2 : 1996 (ISO 9308 -2 : 1990) Chất lượng nước – Phát hiện và đếm vi khuẩn coliform, vi khuẩn coliform chịu nhiệt và escherichia coli giả định – Phần 2: Phương pháp nhiễu ống;

TCVN 6491 : 1999 (ISO 6060 : 1989) Chất lượng nước – Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD);

TCVN 7648 : 2007

TCVN 6492 : 1999 (ISO 10523 : 1994) Chất lượng nước – Xác định pH;

TCVN 6494-2 : 2000 (ISO 10304-2 : 1995) Chất lượng nước – Xác định các anion hòa tan bằng sắc ký lỏng ion – Phần 2: Xác định bromua, clorua, nitrat, nitrit, orthophotphat và sunphat trong nước thải;

TCVN 6625 : 2000 (ISO 11923 : 1997) Chất lượng nước – Xác định chất rắn lơ lửng bằng cách lọc qua cái lọc sợi thủy tinh;

TCVN 6636 : 2000 (ISO 10048 : 1991) Chất lượng nước – Xác định nitơ – Vô cơ hóa sau khi khử bằng hợp kim Devarda;

US EPA Method 1664 Extraction and gravimetry (Oil and grease and total petroleum hydrocarbons);

3 Giá trị giới hạn

3.1 Giá trị giới hạn của các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm trong nước thải nhà máy chế biến thủy sản khi thải vào các nguồn nước tiếp nhận khác nhau không được vượt quá các giá trị nêu trong Bảng 1.

3.2 Nước thải của nhà máy chế biến thủy sản có giá trị các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị qui định trong cột A thì có thể thải vào các thủy vực thường được dùng làm nguồn nước cho mục đích sinh hoạt.

3.3 Nước thải của nhà máy chế biến thủy sản có giá trị các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột A nhưng nhỏ hơn hoặc bằng giá trị qui định trong cột B thì có thể thải vào các thủy vực khác trừ các thủy vực qui định ở cột A.

3.4 Nước thải của nhà máy chế biến thủy sản có giá trị các thông số và nồng độ của các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị qui định trong cột C chỉ được thải vào các nơi qui định (như hồ chứa nước thải được xây riêng, cống dẫn đến nhà máy xử lý nước thải tập trung, các nơi được chỉ định, v.v.).

3.5 Phương pháp lấy mẫu, phân tích, xác định từng thông số cụ thể được qui định trong Bảng 1 của tiêu chuẩn này.

Bảng 1 - Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải nhà máy chế biến thủy sản

Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn			Phương pháp xác định
		A	B	C	
1. pH trong khoảng		6 - 9	5,5 - 9	5 - 9	TCVN 6492 : 1999 (ISO 10523 : 1994)
2. BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30	50	100	TCVN 6001 : 1995 (ISO 5815 : 1989)
3. COD	mg/l	50	80	400	TCVN 6491 : 1999 (ISO 6060 : 1989)
4. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	100	200	TCVN 6625 : 2000 (ISO 11923 : 1997)
5. Amoni (tính theo N)	mg/l	10	20	30	TCVN 6179-1 : 1996 (ISO 7150-1 : 1984) TCVN 6179-2 : 1996 (ISO 7150-2 : 1986)
6. Tổng Nitơ	mg/l	30	60	60	TCVN 6638 : 2000 (ISO 10048 : 1991)
7. Tổng dầu - mỡ	mg/l	10	20	30	Phương pháp khối lượng (US EPA 1664 Chiết bằng dung môi và cân)
8. Clo dư	mg/l	1	2	2	TCVN 6494-2 : 2000 (ISO 10304-2 : 1995)
9. Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000	5.000	10.000	TCVN 6187-1 : 1996 (ISO 9308 : 1990) TCVN 6187-2 : 1996 (ISO 9308-2 : 1990)

3.6 Các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm không qui định trong Bảng 1 (không đặc thù cho ngành công nghiệp chế biến thủy sản), khi cần kiểm soát thì áp dụng theo qui định của tiêu chuẩn TCVN 5945 : 2005